TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 21-7-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hùng Phong.

2. Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 253/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng vay tào sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXX-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02/7/1971 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng).

Số căn cước công dân: , ngày 09/8/2021.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Biện Công N1, Địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng), là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Biện Công N1 – Đoàn Luật sư tỉnh S (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lâm Ngọc H, sinh ngày 18/5/1965 (có mặt).

Nơi ĐKTT: ấp A, xã P, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng). Địa chỉ liên lạc: Số B đường T, phường C, thành phố Hồ Chí Minh.

Số căn cước công dân: , ngày 20/12/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2024 và trong quá trình giải quyết quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K và người đại diện hợp pháp trình bày cho rằng ông K và bà Lâm Ngọc H là chổ quen biết với nhau nên từ năm 2022, ông K đã nhiều lần chuyển tiền cho bà Lâm Ngọc H vay qua tài khoản bà H mở tại V số 0321000663052 và số B, tổng cộng 20 lần với tổng số tiền 3.701.000.000 đồng. Cụ thể:

(1) Ngày 22/4/2022, số tiền 115.000.000 đồng.

(2) Ngày 26/5/2022, số tiền 115.000.000 đồng.

(3) Ngày 13/7/2022, số tiền 145.000.000 đồng.

(4) Ngày 19/8/2022, số tiền 130.000.000 đồng

(5) Ngày 16/9/2022, số tiền 130.000.000 đồng

(6) Ngày 13/10/2022, số tiền 130.000.000 đồng.

(7) Ngày 14/11/2022, số tiền 130.000.000 đồng.

(8) Ngày 06/12/2022, số tiền 130.000.000 đồng.

(9) Ngày 13/01/2023, số tiền 260.000.000 đồng.

(10) Ngày 17/3/2023, số tiền 260.000.000 đồng.

(11) Ngày 11/5/2023, số tiền 260.000.000 đồng.

(12) Ngày 14/8/2023, số tiền 260.000.000 đồng.

(13) Ngày 13/11/2023, số tiền 240.000.000 đồng.

(14) Ngày 13/9/2023, số tiền 260.000.000 đồng.

(15) Ngày 21/11/2023, số tiền 220.000.000 đồng.

(16) Ngày 09/01/2024, số tiền 240.000.000 đồng.

(17) Ngày 11/3/2024, số tiền 200.000.000 đồng.

(18) Ngày 15/3/2024, số tiền 60.000.000 đồng.

(19) Ngày 04/6/2024, số tiền 143.000.000 đồng.

(20) Ngày 03/7/2024, số tiền 273.000.000 đồng.

Mục đích bà H vay là để đầu tư kinh doanh bất động sản và chi tiêu trong gia đình, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn khi cần ông K yêu cầu thì bà H sẽ trả lại. Trước đây điều kiện kinh doanh thuận lợi và ông K chưa có nhu cầu sử dụng vốn nên cho vay, nay ông K cần vốn sử dụng và đã yêu cầu bà H trả tiền vay nhưng bà H không đồng ý. Vì vậy ông K khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền vốn vay là 3.701.000.000 đồng và lãi đến ngày khởi kiện là 1.062.237.288 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày xác định ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H hoàn trả tiền vốn vay là 3.701.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do việc ông K cho vay có chứng cứ chứng minh là 20 giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của bà Lâm Ngọc H và lời thừa nhận của bà H về việc bà là chủ tài khoản đã nhận tiền ông K chuyển khoản.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Ngọc H trình bày: Bà không có vay tiền của ông K, nên không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông K theo đơn khởi kiện và trình bày tại phiên tòa hôm nay. Đối với số tiền ông K chuyển đến tài khoản số 0321000663052 và 2525668888 tại V – Chi nhánh T2, tên chủ tài khoản Lâm Ngọc H là do ông K chuyển tiền đóng lãi và trả tiền vay cho bà. Quá trình bà cho ông K vay tiền thì đến ngày 27/5/2024 âm lịch, giữa bà với ông K đã chốt nợ và ông K viết giấy chốt nợ, nội dung từ ngày 28/5/2024 âm lịch về sau ông K không còn nợ bà khoản tiền nào. Khi lập giấy chốt nợ ngày 27/5/2024 âm lịch, do ông K còn nợ số tiền 273.000.000 đồng chưa thanh toán xong và hứa ngày ngày 28/5/2024 âm lịch sẽ trả số tiền này nên giấy chốt nợ ghi từ ngày 28/5/2024 âm lịch. Vì vậy có các giấy chuyển tiền của ông K đến tài khoản của bà tại các ngày 04/6/2024 và 03/7/2024 là phù hợp thời gian chốt nợ giữa bà với ông K, bởi ngày 28/5/2024 âm lịch chính là ngày 03/7/2024. Mặt khác các ngày ông K chuyển tiền trùng với thời gian và số tiền ông K chuyển trả lãi cho bà, bà đã in và nộp nội dung tin nhắn cho Tòa án. Ngược lại ông K không có chứng cứ đã cho bà vay tiền hoặc chứng cứ về việc đã đòi tiền bà, giấy nộp tiền không thể hiện chuyển tiền cho vay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Biện Công N1 cho rằng ông K đã cho bà H vay tiền bằng hình thức chuyển tiền đến số tài khoản của bà Lâm Ngọc H, đây là chứng cứ có giá trị chứng minh. Đối với phản đối của bà H không có căn cứ, bởi các tin nhắn bà H cung cấp không phải chứng cứ và với công nghệ hiện đại của ngày nay có thể chỉnh sửa được thông tin để phù hợp tài liệu nguyên đơn cung cấp. Mặt khác, giữa ông K và bà H đã chốt nợ xong, tức là ông K không còn nợ bà H nhưng bà H lại ủy quyền cho bà N2 khởi kiện các khoản vay của Lý Lâm Thuyền N3 và Lý Lâm Nhật T. Số tiền các con bà H khởi kiện yêu cầu ông K trả là của bà H, nếu có giấy chốt nợ thì lý do gì bà H còn khởi kiện ông K. Từ việc khởi kiện này, ông K tiến hành khởi kiện bà H yêu cầu trả tiền vay tương đương với số tiền bà N3 và ông T khởi kiện để đối trừ số tiền nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K buộc bà H trả tiền vay.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn chấp hành các quy định, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Về nội dung thấy rằng nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K cho rằng bà H vay tiền nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số nợ bà H vay cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh việc thỏa thuận vay tiền, thời gian vay, thời gian trả và việc chốt nợ giữa các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H không thừa nhận nợ ông K. Do đó, không có căn cứ xác định bà H có nợ tiền của ông K như ông K đã trình bày. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K và buộc ông K chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, yêu cầu khởi kiện của ông K là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn có nơi cư trú ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các đương sự đều có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét việc ông K rút yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn K về việc buộc bà Lâm Ngọc H trả số tiền vốn vay 3.701.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K cung cấp 20 biên nhận Giấy nộp tiền của Ngân hàng B thể hiện người nộp tiền là ông Nguyễn Tuấn K nộp tiền cho số tài khoản 0321000663052 và 2525668888 tại V, tên chủ tài khoản là Lâm Ngọc H với tổng số tiền các lần chuyển là 3.701.000.000 đồng. Bị đơn bà Lâm Ngọc H thừa nhận có nhận tiền từ ông K trong khoảng thời gian năm 2022 đến ngày chốt nợ 28/5/2024 âm lịch, tuy nhiên bà không nhớ chính xác số tiền đã nhận và bà H cho rằng đó không phải là tiền bà vay của ông K mà là số tiền ông K trả lãi cho bà.

[3.1] Chứng minh cho lời trình bày phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lâm Ngọc H cung cấp chứng cứ: Tờ giấy viết tay ngày 27/5/2024 âl với nội dung "*Tôi Nguyễn Tuấn K ấp 3, P vào ngày 27/5/2024 âl. Tôi đã thanh toán tổng số tiền vốn và lãi trả hết dứt điểm cho bà Lâm Ngọc H. Kể từ ngày 28/5/2024 âl trở về sau tôi kg còn nợ bà H đồng nào nữa".* Điều này cho thấy từ ngày 28/5/2024 âl (03/7/2024 dl) trở về trước, ông K có vay tiền của bà H. Ngoài tờ giấy viết tay, bà H cung cấp một số tin nhắn điện thoại giữa bà H và ông K vào khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2024 thể hiện bà H nhiều lần đòi ông K trả tiền lãi, nội dung và thời gian tin nhắn đòi tiền lãi giữa bà H với ông K phù hợp với thời gian chuyển tiền, số tiền chuyển theo các biên lai chuyển tiền của Ngân hàng do ông K cung cấp.

[3.2] Trong khi đó ngoài Giấy nộp tiền của Ngân hàng B, ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác chứng minh số tiền chuyển vào tài khoản bà H là

tiền cho bà H vay. Đồng thời ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc thỏa thuận vay tiền, thời gian vay, thời gian trả và việc chốt nợ giữa các bên. Bị đơn bà H không thừa nhận vay tiền ông K nên không có căn cứ xác định bà H đã vay tiền của ông K đến nay chưa trả như ông K đã trình bày. Do đó, lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn K về tranh chấp lãi suất với bà Lâm Ngọc H, số tiền 1.062.237.288 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lâm Ngọc H, số tiền vốn vay 3.701.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu là 87.030.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.381.000 đồng theo biên lai thu số 0008061 ngày 16/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Tuấn K còn phải nộp 30.649.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh Mai